

Bản án số: 126 /2021/HS-ST  
Ngày: 26 - 10 - 2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phúc

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Danh Cư

Bà Thái Thục Hiền

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Văn Khá – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 97/2021/TLST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2021/QĐXXST-HS ngày 22/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2021/HSST-QĐ ngày 10 tháng 8 năm 2021, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2021/QĐXXST-HS ngày 12/10/2021 đối với bị cáo:

Lê Thị H; giới tính: Nữ; sinh ngày 10 tháng 8 năm 1974, tại PY; nơi cư trú (Hộ khẩu thường trú: Khu phố 2, phường HV, thị xã ĐH, tỉnh PY; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Làm công; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thả (đã chết) và bà Trà Thị Nấm (đã chết); có chồng Trần Văn Tảo (đã chết) có 02 con (con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2003); Tiền án: Không; Tiền sự: Không

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/01/2021 đến nay. (có mặt)

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1929; nơi cư trú: 201/7 Đường H, Phường I, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- *Người làm chứng:* Anh Vũ Minh R, sinh năm: 1993; nơi cư trú: 219/58 Đường H, Phường I, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25/10/2020, Lê Thị H được gia đình ông Nguyễn Văn T (anh Vũ Minh R cháu của ông T) thuê làm giúp việc với mức lương mỗi tháng là 8.000.000 đồng, tại nhà số 201/7 Đường H, Phường I, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian làm việc, H thường thấy ông T hay cất tiền trong ngăn tủ đặt tại phòng khách nhưng không khóa tủ. Ngày 02/11/2020, nghe tin con gái bị bệnh nhưng không có tiền điều trị nên H nảy sinh ý định trộm tiền của ông T rồi bỏ trốn về quê. Khoảng 09 giờ, ngày 04/11/2020, H phát hiện ông T đi xuống bếp nên lên lút mở tủ lấy trộm số tiền 40.000.000 đồng rồi cất giấu trong túi xách cá nhân. Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, H tiếp tục mở tủ lấy trộm số tiền 100.000.000 đồng. Sau khi lấy được tiền, H xin ông T về quê PY để chăm sóc con bị bệnh. Ngày 06/11/2020, ông T mở tủ lấy tiền thì phát hiện bị mất trộm số tiền 200.000.000 đồng. Qua kiểm tra camera, gia đình ông T nghi ngờ H là người lấy trộm số tiền trên nên đến Công an Phường 1, Quận 8 trình báo sự việc. Đến ngày 25/01/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 phối hợp Công an phường HV, thị xã ĐH, tỉnh PY mời H về trụ sở để làm việc.

Quá trình điều tra, Lê Thị H khai nhận toàn bộ hành vi như nêu trên. Lê Thị H chỉ thừa nhận lấy trộm số tiền 140.000.000 đồng và sử dụng số tiền này để chữa bệnh cho con gái, trả nợ ngoài xã hội và tiêu xài cá nhân hết.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn T cho rằng số tiền bị H lấy trộm là 200.000.000 đồng chứ không phải 140.000.000 đồng nên ông T yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 200.000.000 đồng.

Vật chứng: 01 USB màu đen (hiệu Transcend 2GB) chứa đoạn hình ảnh bị cáo Lê Thị H trộm tiền của ông Nguyễn Văn T ngày 04/11/2020 tại nhà số 201/7 Đường H, Phường I, Quận B.

Tại bản Cáo trạng số 114/CT-VKS ngày 12/5/2021, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Lê Thị H về tội “Trộm cắp tài sản”, theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lê Thị H về tội “Trộm cắp tài sản”. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; các điểm g, i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Lê Thị H từ 03 năm đến 04 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại. Về vật chứng đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận; bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 8, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo H đã khai nhận hành vi phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định Lê Thị H làm giúp việc nhà tại gia đình ông Nguyễn Văn T ở số 201/7 Đường H, Phường I, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 04/11/2020, lợi dụng lúc ông T đi xuống bếp, H đã hai lần lén lút mở tủ lấy trộm tiền của ông T, lần 01 là 40.000.000 đồng, lần 02 là 100.000.000 đồng. Tổng số tiền H chiếm đoạt của ông T là 140.000.000 đồng.

[3] Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Trộm cắp tài sản” như sau:

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

...

*2. Phạm Tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:*

...

*c) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.*

...

*5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”*

[4] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo trộm cắp tài sản có tổng giá trị là 140.000.000 đồng, đây là trường hợp định khung tăng nặng “*Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*”. Như vậy Hội đồng xét xử có cơ sở xác định hành vi của bị cáo H đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xét tính nghiêm trọng của tội phạm mà bị cáo đã thực hiện, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; đồng thời phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm trong xã hội.

[6] Trong thời gian ngắn, bị cáo đã thực hiện 02 (hai) hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản liên tiếp, trị giá tài sản bị chiếm đoạt mỗi lần đều trên 2.000.000 đồng, thể hiện mức độ nguy hiểm của bị cáo và thái độ xem thường pháp luật, thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình

sự “*phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Tại thời điểm phạm tội, bị hại ông Nguyễn Văn T đã 91 tuổi, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên...*” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[9] Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nên có căn cứ chấp nhận.

[10] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, điều kiện kinh tế còn khó khăn, vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại ông Nguyễn Văn T yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền chiếm đoạt là 200.000.000 đồng (chứ không là 140.000.000 đồng như bị cáo H thừa nhận). Mặc dù ông T đã cung cấp được giấy tờ, hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc số tiền bị mất trộm nhưng ông T không chứng minh thực tế được số tài sản bị mất này, không có cơ sở xác định số tiền bị mất là 200.000.000 đồng. Ngoài lời khai của ông T và bị cáo H về số tiền mất trộm ra thì không còn chứng cứ nào khác để xác định số tiền bị mất. Bị cáo thừa nhận trộm tổng số tiền là 140.000.000 đồng. Tại tòa, ông T có đơn xác định yêu cầu bị cáo H bồi thường thiệt hại cho ông số tiền là 140.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo trình bày đến nay chưa bồi thường cho bị hại và hiện cũng không có khả năng trả lại số tiền lấy trộm cho ông T vì bị cáo đã tiêu xài hết số tiền này. Xét thấy đây là thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra đối với bị hại. Do đó, yêu cầu của bị hại là có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và các điều 584, 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bị hại ông Nguyễn Văn T số tiền là 140.000.000 đồng.

[12] Về xử lý vật chứng: 01 USB màu đen nội dung ghi lại hình ảnh vụ trộm cắp tài sản của H do ông T giao nộp. Ông T không có yêu cầu nhận lại, xét đây là tài liệu, chứng cứ có liên quan vụ án; nên cần tịch thu và tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

[13] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 23 và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Lê Thị H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; các điểm g, i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Thị H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/01/2021.

- Căn cứ vào các Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 357, 468, 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Lê Thị H bồi thường cho ông Nguyễn Văn T số tiền là 140.000.000 (một trăm bốn mươi triệu) đồng, thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tịch thu và lưu theo hồ sơ vụ án 01 USB màu đen được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 bảo quản trong một bì thư, dán kín kèm theo hồ sơ.

- Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Lê Thị H nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 7.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- VKS ND Quận 8;
- VKS ND TP. HCM;
- CQĐT CA Quận 8;
- CQ THA HS CA Quận 8;
- Nhà tạm giữ CA Quận 8;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TA ND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Phúc**